

Phụ lục I

NỘI DUNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

(Kèm theo Công văn số 5252 /QLB-TGV ngày 21 tháng 8 năm 2024)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
I	Dịch vụ may sấm				
1	Đồng phục công sở nam				
1.1	Áo vest nam	Chiếc	2.261		
1.2	Áo sơ mi dài tay nam	Chiếc	3.722		
1.3	Áo sơ mi ngắn tay nam	Chiếc	3.722		
1.4	Quần âu nam	Chiếc	5.808		
2	Đồng phục công sở nữ				
2.1	Áo vest nữ	Chiếc	1.364		
2.2	Áo sơ mi dài tay nữ	Chiếc	2.400		
2.3	Áo sơ mi ngắn tay nữ	Chiếc	2.400		
2.4	Quần âu nữ	Chiếc	1.746		
2.5	Juyp nữ	Chiếc	1.746		
3	Đồng phục Kiểm soát viên không lưu nam				
3.1	Áo sơ mi dài tay KSVKL nam	Chiếc	1.856		
3.2	Áo sơ mi ngắn tay KSVKL nam	Chiếc	1.856		
4	Đồng phục Kiểm soát viên không lưu nữ				
4.1	Áo sơ mi dài tay KSVKL nữ	Chiếc	1.528		
4.2	Áo sơ mi ngắn tay KSVKL nữ	Chiếc	1.528		
5	Quần áo bảo hộ lao động phổ thông				
5.1	Quần áo bảo hộ lao động phổ thông nam	Bộ	986		
5.2	Quần áo bảo hộ lao động phổ thông nữ	Bộ	218		



6	Áo chống rét				
6.1	Áo chống rét nam	Chiếc	1.662		
6.2	Áo chống rét nữ	Chiếc	803		
7	Áo phản quang				
7.1	Áo phản quang nam	Chiếc	366		
7.2	Áo phản quang nữ	Chiếc	115		
II	Dịch khác (nếu có)				
1	Chi phí đi lại phục vụ lấy số đo (*)	Gói	01		
2	Đóng gói, vận chuyển (*)	Gói	01		
3	Kiểm định vải	Mẫu	15		
4	Bảo hành	Gói	01		
	Cộng (I+II)				
	Thuế VAT				
	Tổng cộng				

(*) Lưu ý: Các địa điểm thực hiện lấy số đo và vận chuyển, giao hàng:

- Trụ sở Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam:

+ Nhà A: Số 6/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

+ Nhà B: Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

- Trụ sở Công ty Quản lý bay miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam: Số 148 Duy Tân, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Trụ sở Công ty Quản lý bay miền Nam - Chi nhánh Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam: 22 Trần Quốc Hoàn, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

Phụ lục II
KIỀU DÁNG TRANG PHỤC

(Kèm theo Công văn số 5252 /QLB-TGV ngày 21 tháng 8 năm 2024)

I. Trang phục công sở

1. Trang phục dành cho Nam

- Áo Vest: Áo màu xanh đen, cổ 2 ve xuôi, 2 cúc, vạt tròn, đột chỉ ve nẹp cổ, nắp túi; túi ngực bên trái, 2 túi bỏ coi có nắp; thân sau có 2 xẻ sườn; tay có 4 cúc, cúc tay đầu tiên đính chỉ xanh; vải lót viền phối màu xanh, dệt logo VATM.
- Sơ mi dài tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp rời, cổ Đức nhọn có chân; túi ộp ngực trái, đáy tròn; bác tay tròn, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM màu xanh trên nắp túi áo; chân cổ phối vải lót để tránh ó khi sử dụng
- Sơ mi ngắn tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp rời, cổ Đức nhọn có chân; túi ộp ngực trái, đáy tròn, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên nắp túi áo; chân cổ phối vải lót để tránh ó khi sử dụng
- Quần Âu: Quần màu xanh đen, có ly, cạp có quai nhê; 2 túi chéo, 2 túi coi sau.

2. Trang phục cho Nữ

- Áo Vest: Áo màu xanh đen, cổ hai ve xuôi, đột chỉ cùng màu; 2 cúc, vạt tròn ; túi coi 2 viền có nắp; tay có 4 cúc, cúc tay đầu tiên đính chỉ xanh; vải lót viền phối màu xanh, dệt logo VATM.
- Sơ mi dài tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp liền, cổ Đức nhọn có chân; chiết ngực trước và sau; bác tay tròn, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên ngực áo; chân cổ phối vải lót để tránh ó khi sử dụng
- Sơ mi ngắn tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp liền, cổ Đức nhọn có chân; chiết ngực trước và chiết eo sau; cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên ngực áo trái; chân cổ phối vải lót để tránh ó khi sử dụng
- Quần Âu: Quần màu xanh đen, 01 ly, cạp cao, ống đứng; 2 túi chéo và 2 chiết sau.
- Váy Juyp: Váy màu xanh đen, cạp cao, dài qua gối, dáng bút chì; thân trước 2 túi chéo & 2 chiết; thân sau 2 chiết, có xẻ giữa; lót túi bằng vải mỏng đảm bảo không hằn lộ lót túi khi mặc.

II. Trang phục của lực lượng Kiểm soát viên không lưu:

1. Trang phục dành cho Nam:

- Áo Vest: Áo màu xanh đen, cổ 2 ve xuôi, 2 cúc, vạt tròn, đột chỉ ve nẹp cổ, nắp túi; túi ngực bên trái, 2 túi bỏ coi có nắp; thân sau có 2 xẻ sườn; tay có 4 cúc, cúc tay đầu tiên đính chỉ xanh; vải lót viền phối màu xanh, dệt logo VATM.
- Sơ mi dài tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp rời, cổ Đức; có cầu vai đính cúc; áo đính chỉ tiết để cài cúc huy hiệu phía trên túi áo; 2 túi ngực đáy vát góc có nắp, nắp đính cúc; bác tay vát, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên nắp túi áo; chân cổ phối vải lót để tránh ó khi sử dụng; nắp túi dùng lớp dựng mỏng và mềm để viền túi mềm mại.
- Sơ mi ngắn tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp rời, cổ Đức nhọn có chân; có cầu vai đính cúc; áo đính chỉ tiết để cài cúc huy hiệu phía trên túi áo; 2 túi ngực

đáy vát góc có nắp, nắp đính cúc, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên nắp túi áo; chân cổ phối vải lót để tránh ố khi sử dụng; nắp túi dùng lớp dụng mỏng và mềm để viền túi mềm mại.

- Quần Âu: Quần màu xanh đen, có ly, cạp có quai nhê; 2 túi chéo, 2 túi cơi sau.

2. Trang phục cho nữ

- Áo Vest: Áo màu xanh đen, cổ hai ve xuôi, đột chỉ cùng màu; 2 cúc, vạt tròn; túi cơi 2 viền có nắp; tay có 4 cúc, cúc tay đầu tiên đính chỉ xanh; vải lót viền phối màu xanh, dệt logo VATM.

- Sơ mi dài tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp rời, cổ Đức nhọn có chân; có cầu vai đính cúc; áo đính chỉ tiết để cài cúc huy hiệu phía trên túi áo; 2 túi ngực đáy vát góc có nắp, nắp đính cúc; bác tay vát, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên nắp túi áo; chân cổ phối vải lót để tránh ố khi sử dụng; nắp túi dùng lớp dụng mỏng và mềm để viền túi mềm mại.

- Sơ mi ngắn tay: Áo màu trắng dệt chìm logo VATM, nẹp rời, cổ Đức nhọn có chân; có cầu vai đính cúc; áo đính chỉ tiết để cài cúc huy hiệu phía trên túi áo ; 2 túi ngực đáy vát góc có nắp, nắp đính cúc, cúc khắc tên VATM; thêu logo VATM trên nắp túi áo; chân cổ phối vải lót để tránh ố khi sử dụng; nắp túi dùng lớp dụng mỏng và mềm để viền túi mềm mại.

- Quần Âu: Quần màu xanh đen, 01 ly, cạp cao, ống đứng; 2 túi chéo và 2 chiết sau.

- Váy Juyp: Váy màu xanh đen, cạp cao, dài qua gối, dáng bút chì; thân trước 2 túi chéo & 2 chiết; thân sau 2 chiết, có xẻ giữa; lót túi bằng vải mỏng đảm bảo không hàn lộ lót túi khi mặc

III. Bộ bảo hộ lao động:

1. Quần, áo lao động phổ thông :

- Áo lao động phổ thông: Màu xanh đen, cổ bẻ có chân cài khuy; có đai áo, chun sườn; lưới tản nhiệt dưới nách; thân trước có 2 túi có nắp, chặn dây phản quang đường cúp ngực; thân sau may đường phản quang; tay áo phải may túi gài bút; ngực phải thêu biển tên công ty trực thuộc cố định, ngực trái thêu chữ VATM màu trắng cố định; thân sau có dệt logo tròn rời sau đó may vào và thêu chữ Tổng công ty quản lý bay Việt Nam

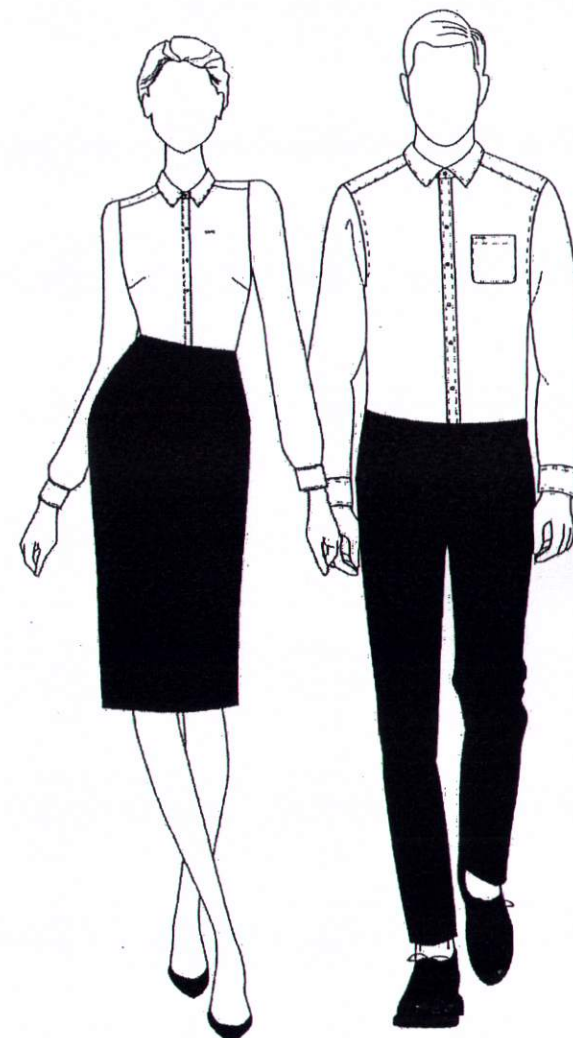
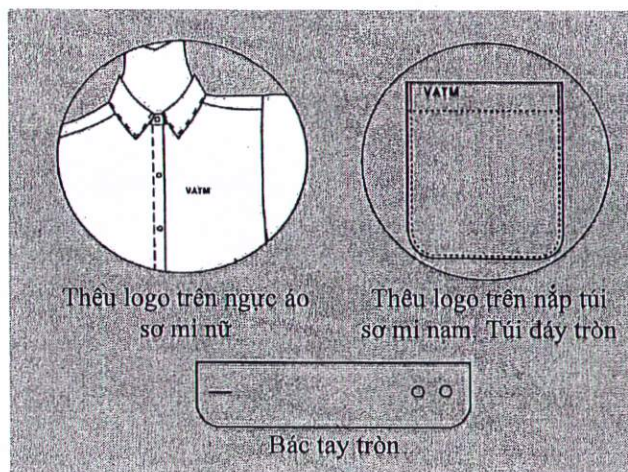
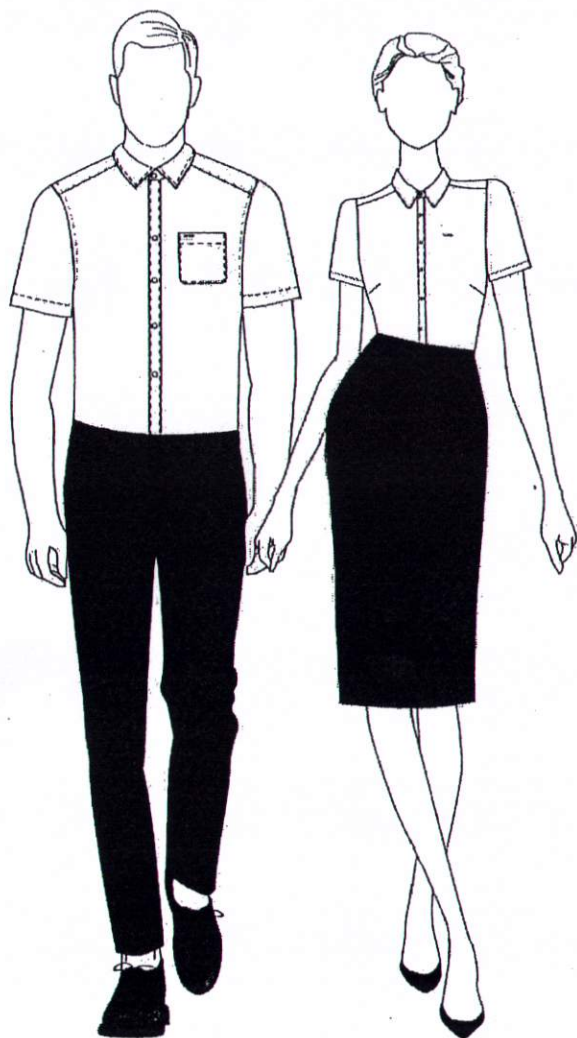
- Quần lao động phổ thông: Màu xanh đen; cạp chun sườn trước, sau; túi hộp ốp đùi có nắp, bo chun miệng túi, chặn dây phản quang dọc giữa túi; gấu quần có kẹp khuyết đính cúc để tăng giảm độ rộng ống.

2. Áo chống rét: Chất liệu 3 lớp vải gió tráng nhựa, lót trần bông hoặc 2 lớp không có lót trần bông; cổ cao, không bo len; mũ tháo rời có nắp che khóa; bỏ cúp vai & tay điều chỉ; túi bỏ cơi có khóa; gấu và tay áo bo len; dệt logo tròn rời sau đó may vào bấp tay áo trái, dệt cờ Việt Nam trên ngực áo trái

3. Áo phản quang: Áo phản quang dạng dây bản 5.3cm, màu xanh chuối, có màu ghi phản quang 1.3cm ở giữa dây; Áo có chốt để thắt dây vào nhau; Hai quai có chốt dây điều chỉnh độ dài ngắn.

(Có chi tiết thiết kế gửi kèm)

SƠ MI NAM NỮ - SM01



MÔ TẢ CHI TIẾT

Chân cổ phối vải để tránh ó khi sử dụng

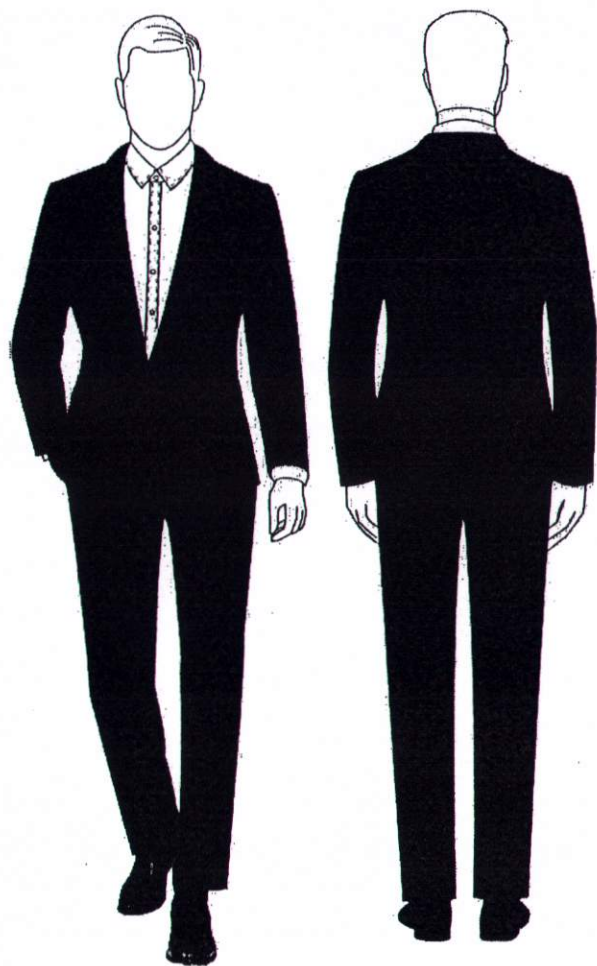
Nữ:

- Form dáng mặc vừa, chuyên nghiệp
- Nẹp liền. Cổ đực nhọn có chân
- Chiết ngực trước và chiết eo sau
- Bác tay tròn, cúc khắc tên VATM
- Thêu logo VATM màu xanh trên ngực áo trái

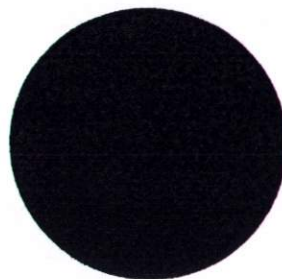
Nam:

- Form dáng mặc vừa, chuyên nghiệp
- Nẹp rời. Cổ đực nhọn có chân
- Túi ộp ngực trái, đáy tròn
- Bác tay tròn, cúc khắc tên VATM
- Thêu logo VATM màu xanh trên nắp túi áo

BỘ VESTON NAM - VM01



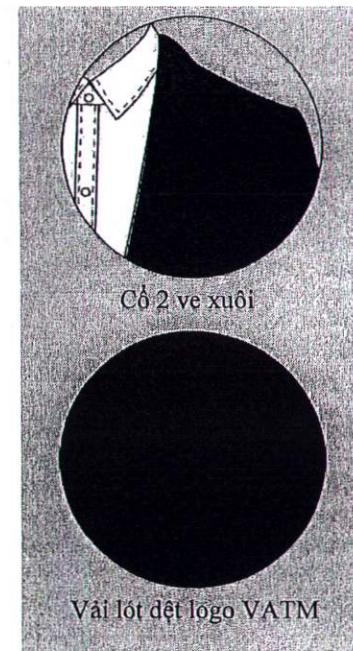
MÔ PHỎNG THỰC TẾ



Nội thất áo vest



Cúc tay đính chỉ xanh



Cổ 2 ve xuôi

Vải lót dệt logo VATM

MÔ TẢ CHI TIẾT

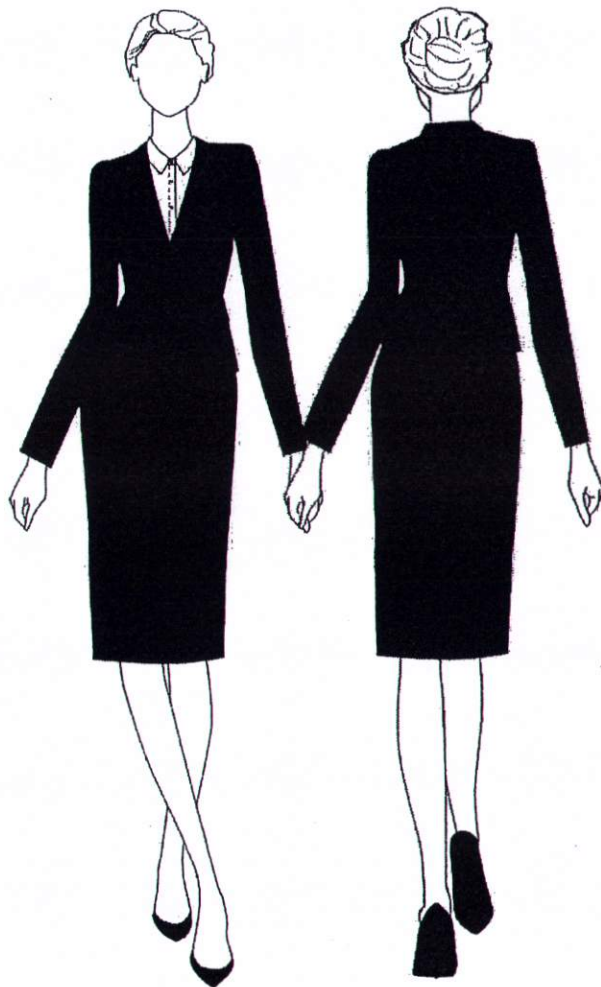
Áo Vest:

- Form dáng ôm vừa, cổ 2 ve xuôi
- Áo 2 cúc vạt tròn, dệt chỉ ve nẹp cổ, nắp túi
- Túi ngực bên trái, 2 túi cỡ có nắp
- Thân sau có 2 xẻ sườn
- Tay có 4 cúc. Cúc tay đầu tiên đính chỉ xanh
- Vải lót viền phối màu xanh, dệt logo VATM

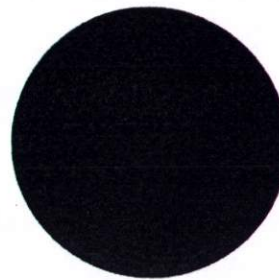
Quần:

- Cạp có quai nhê
- Quần có ly
- Hai túi chéo, hai túi cỡ sau

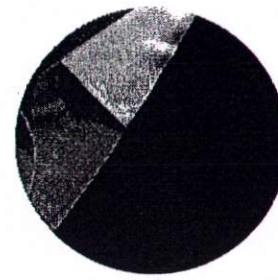
BỘ VESTON NỮ - VF01



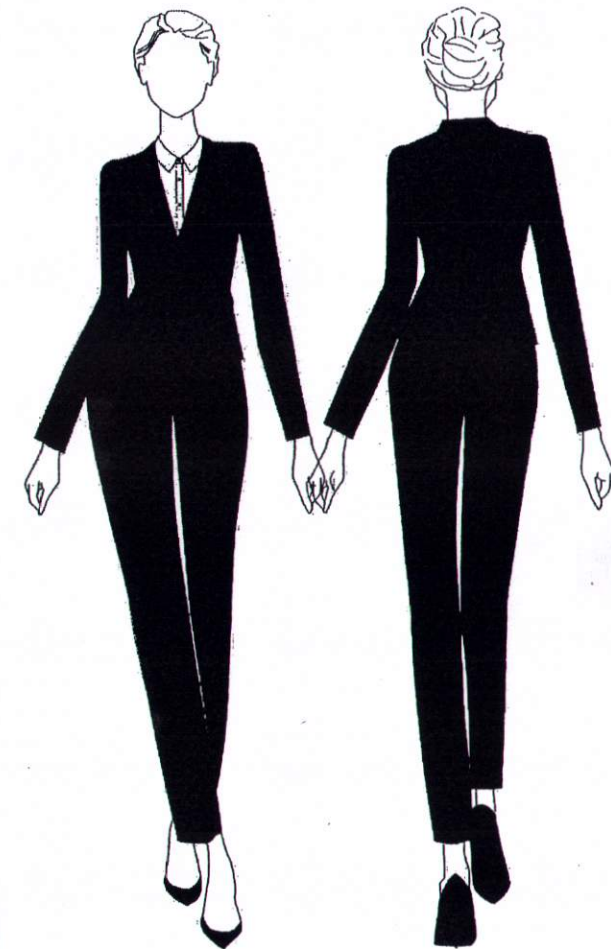
MÔ PHÒNG THỰC TẾ



Nội thất áo vest



Cổ ve xùôi



MÔ TẢ CHI TIẾT

Áo vest:

- Form dáng ôm vừa
- Cổ hai ve xùôi, độn chỉ cùng màu
- Áo 2 cúc, vạt tròn
- Túi coi 2 viền có nắp
- Tay có 4 cúc. Cúc tay đầu tiên đính chỉ xanh
- Vải lót viền phối màu xanh, độn logo VATM

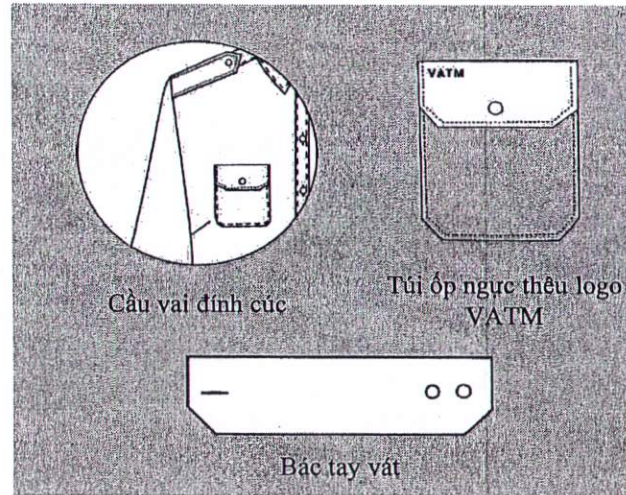
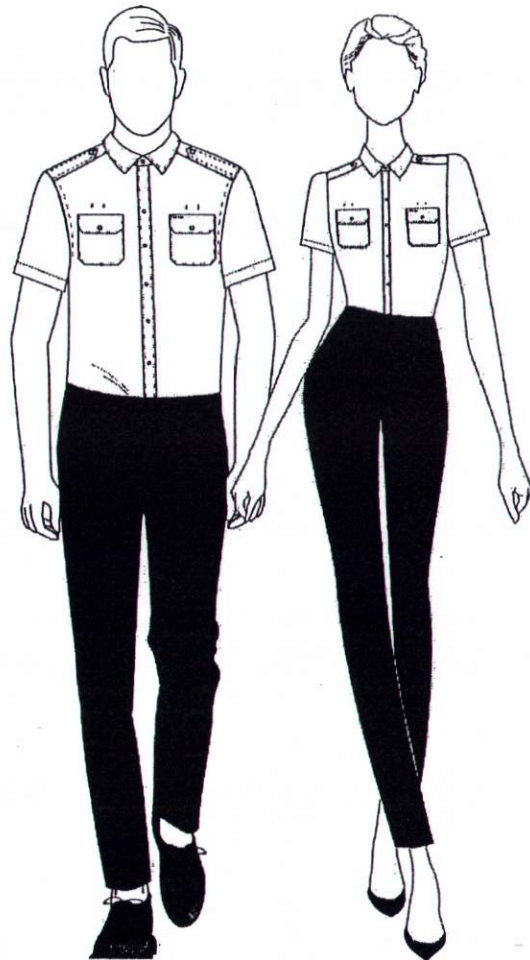
Chân váy:

- Lót túi bằng vải mỏng đảm bảo không hằn lộ lót túi khi mặc
- Cạp cao, dài qua gối, dáng bút chì
- Thân trước 2 túi chéo & 2 chiết
- Thân sau 2 chiết, có xẻ giữa

Quần:

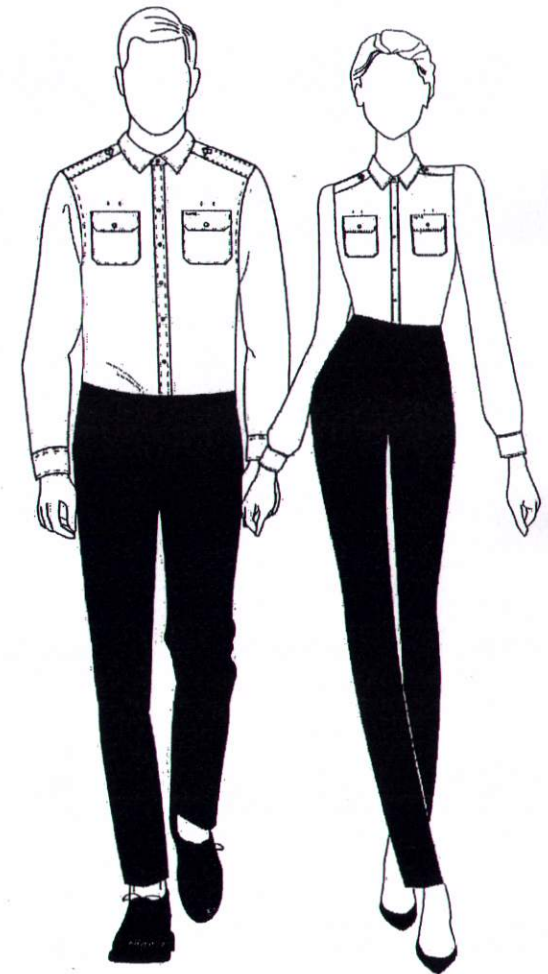
- Hai túi chéo và 2 chiết sau
- Cạp cao, ống đứng, 01 ly

ÁO SƠ MI KSV KHÔNG LƯU NAM NỮ - SMK01



MÔ TẢ CHI TIẾT

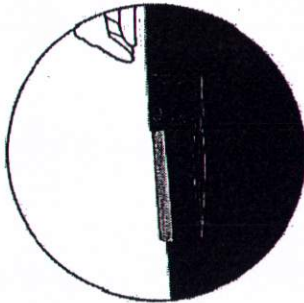
- Cổ đực
- Nẹp rời
- Có câu vai đính cúc
- Áo đính chi tiết để cài huy hiệu phía trên túi áo
- Hai túi ngực đáy vát góc có nắp, nắp đính cúc
- Thêu logo VATM màu xanh trên nắp túi áo
- Bác tay vát, cúc khắc tên VATM
- Áo nữ có chiết ngực và chiết sau
- Chân cổ phối vải để tránh ố khi sử dụng
- Nắp túi dùng lớp dụn mỏng và mềm để viền túi mềm mại



QUẦN ÁO LAO ĐỘNG PHỔ THÔNG – LĐ02



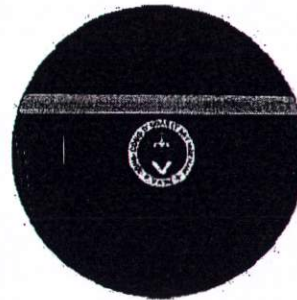
MÔ TẢ CHI TIẾT



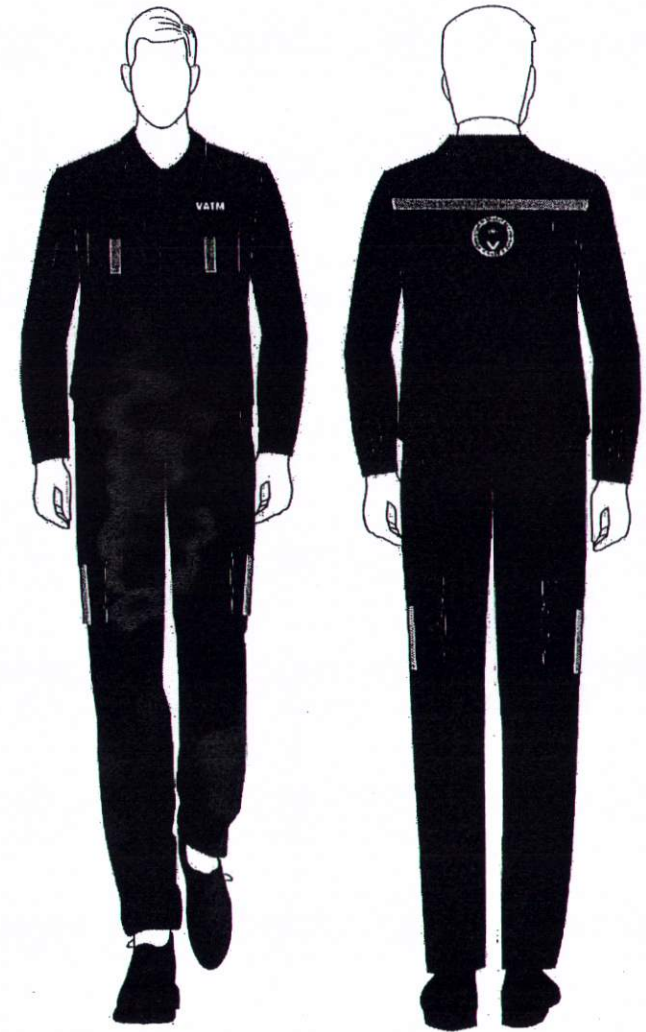
Chặn dây phản quang dọc giữa túi ốp đùi



Biển tên công ty trực thuộc cố định



Thân sau logo tròn và chữ Tổng công ty quản lý bay Việt Nam



MÔ TẢ CHI TIẾT

Áo:

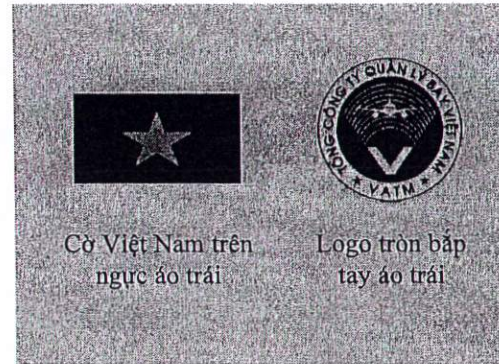
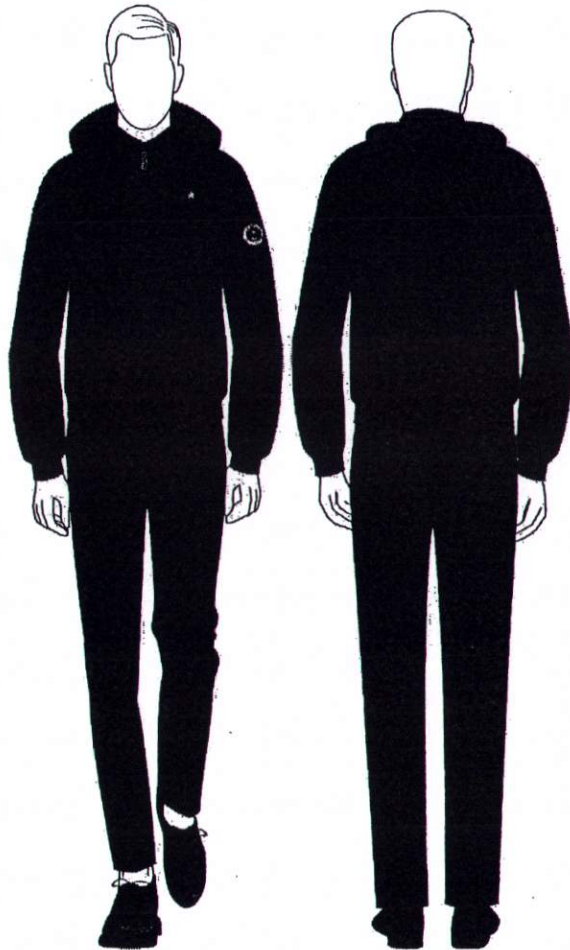
- Form dáng thụng, có đai áo và chun sườn
- Cổ bẻ có chân cài khuy
- Lưới tản nhiệt dưới nách
- Thân trước có 2 túi có nắp, chặn dây phản quang đường cúp ngực
- Thân sau may đường phản quang
- Tay áo phải may túi gài bút.
- Ngực phải thêu biển tên công ty trực thuộc cố định
- Ngực trái thêu chữ VATM màu trắng cố định
- Thân sau có dệt logo tròn rồi sau đó may vào và thêu chữ Tổng công ty quản lý bay Việt Nam

Quần:

- Cạp chun sườn trước, sau
- Túi hộp ốp đùi có nắp, bo chun miệng túi, chặn dây phản quang dọc giữa túi
- Gấu quần có kẹp khuyết đính cúc để tăng giảm độ rộng ống

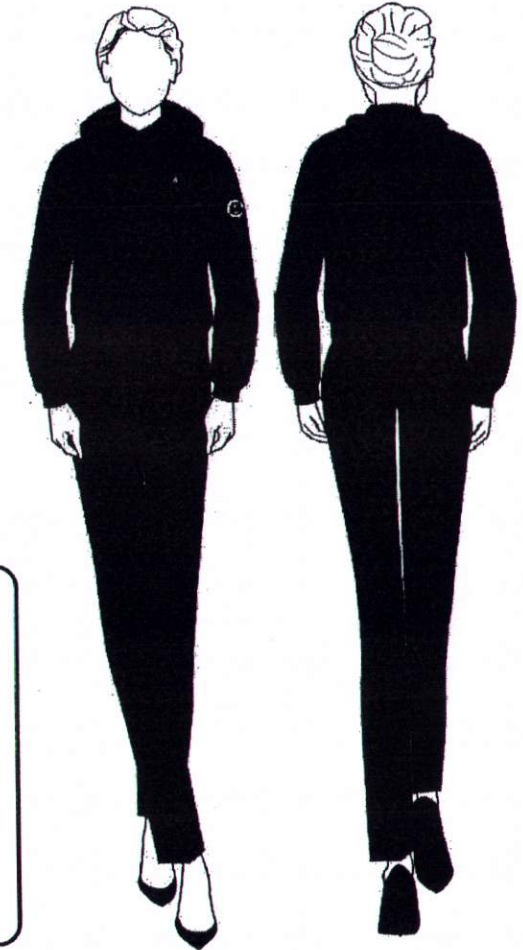


ÁO CHỐNG RẾT - CR02



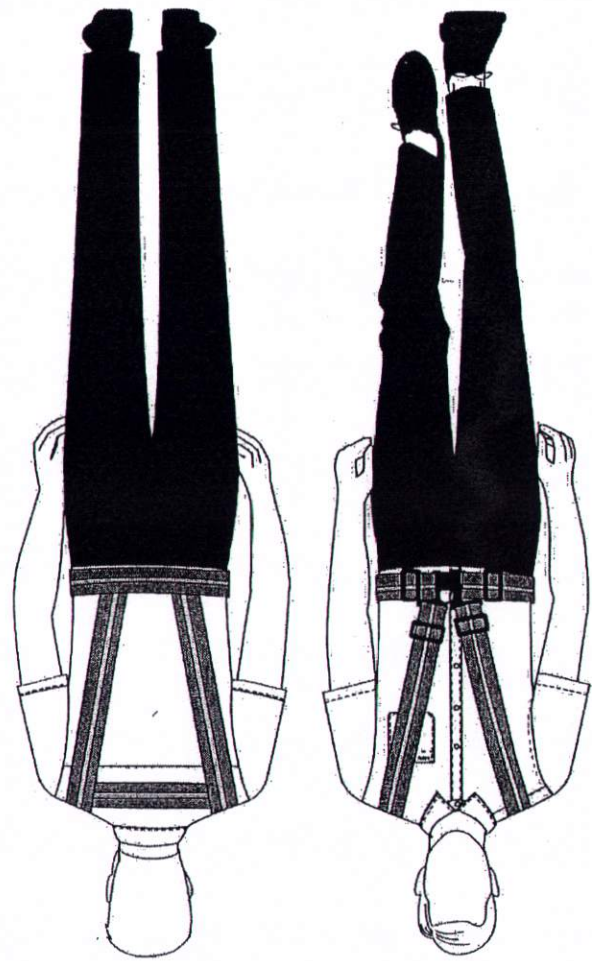
Cờ Việt Nam trên
ngực áo trái

Logo tròn bấp
tay áo trái



MÔ TẢ CHI TIẾT

- Chất liệu 3 lớp vải gió tráng nhựa, lót trần bông hoặc 2 lớp không có lót trần bông
- Cổ cao, không bo len
- Mũ tháo rời có nắp che khóa
- Bỏ cúp vai & tay điều chỉ
- Túi bỏ coi có khóa
- Gấu và tay áo bo len
- Dệt logo tròn rời sau đó may vào bấp tay áo trái
- Dệt cờ Việt Nam trên ngực áo trái

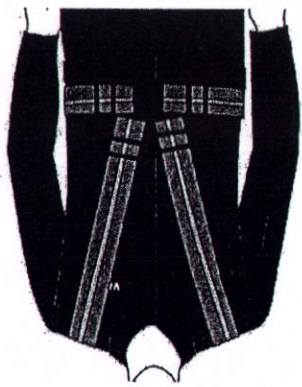


ÁO PHÂN QUANG - PQ04

MÔ TẢ CHI TIẾT
• Áo phân quang dài, màu xanh chổi



Thân sau



Thân trước

Phụ lục III
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CHẤT LIỆU MAY TRANG PHỤC
 (Kèm theo Công văn số 5252 /QLB-TGV ngày 21 tháng 8 năm 2024)

I. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải vest Nam, Nữ, quần Âu, váy juyp:

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2
2	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	246
3	Độ lệch màu so với pantone 19-3924 TCX (cấp)		ISO 105-J01:1997 ISO 105-A02:1993	4
4	Độ nhỏ sợi tách từ vải	Dọc-sợi đơn có chun (Ne)	TCVN 5095:1990	29,9/1
		Ngang-sợi filament có chun (Den)		242
5	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Polyeste 79,9 Visco 15,8 Spandex 4,3
6	Mật độ sợi	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	480
		Ngang (sợi/10cm)		376
7	Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4
8	Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp)		ASMT D4970/D4970M-22	3.5
9	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754 : 1986 (phương pháp băng vải)	746
		Ngang (N)		1305
10	Độ bền xé rách	Dọc (N)	ASTM D5587- 15(2019)	130
		Ngang (N)		303
11	Độ bền mài mòn (chu kì)		TCVN 7424-2:2004	>20 000
12	Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009 ISO 6330:2021	-1,0
		Ngang		0
13	Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp)		ISO 7768:2009 ISO 6330:2021	SA - 4.0
14	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5

			Polyeste		4-5
			Acrylic		4-5
			Len		4-5
15	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	TCVN 4538:2007	4-5
			Ngang		4-5
		Ướt	Dọc		2
			Ngang		2
16	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72 giờ (cấp)		TCVN 7835-B02:2007	4-5	
17	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	K.p.h	
18	Độ thoáng khí tại 125 Pa (cm ³ /s/cm ²)		TCVN 5092:2009	6,6	

II. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải áo sơ mi công sở và lực lượng Kiểm soát viên không lưu Nam, Nữ :

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Giắc-ca
2	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	169
3	Độ lệch màu so với pantone 11-4001 TCX (cấp)		ISO 105-J01:1997 ISO 105-A02:1993	3-4
4	Độ nhỏ sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	51,6/1
		Ngang-sợi đơn có chun (Ne)		45,2/1
5	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Polyeste 45,4 Visco 52,0 Spandex 2,6
6	Mật độ sợi	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	688
		Ngang (sợi/10cm)		427
7	Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	3-4
8	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754 : 1986 (phương pháp băng vải)	919
		Ngang (N)		417
9	Độ bền xé rách	Dọc (N)	ASTM D5587-15(2019)	93,7
		Ngang (N)		52,0
10	Độ bền mài mòn (chu kì)		TCVN 7424-2:2004	>20 000

11	Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009 ISO 6330:2021	-1,5
		Ngang		0
12	Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp)		ISO 7768:2009 ISO 6330:2021	SA-3.0
13	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		5
		Dây màu	Diaxetat	5
			Bông	4-5
			Polyamit	5
			Polyeste	5
			Acrylic	5
Len	5			
14	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	5
			Ngang	5
		Ướt	Dọc	5
			Ngang	5
15	Khả năng ngả vàng của vải (cấp)		TCVN 7835-X18:2013	4-5
16	Độ thoáng khí tại 125 Pa (cm ³ /s/cm ²)		TCVN 5092:2009	3,4
17	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	K.p.h

III. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải quần, áo lao động phổ thông

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt	TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/1
2	Khối lượng thực tế (g/m ²)	TCVN 8042:2009	207
3	Độ lệch màu so với pantone 19-3922 TCX (cấp)	ISO 105-J01:1997 ISO 105-A02:1993	4
4	Độ nhỏ sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	19,8/1
		Ngang (Ne)	19,9/1
5	Thành phần nguyên liệu (%)	ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-11:2009	Polyeste 66,6 Bông 33,4
6	Mật độ sợi	Dọc (sợi/10cm)	436
		Ngang (sợi/10cm)	202
7	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	1488
		Ngang (N)	596
8	Độ bền xé rách	Dọc (N)	160

		Ngang (N)	ASTM D5587-15(2019)	60,0
9	Độ bền mài mòn (chu kì)		TCVN 7424-2:2004	>20 000
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009 ISO 6330:2021	-1,5
		Ngang		-1,0
11	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
12	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	4-5
			Ngang	4-5
		Ướt	Dọc	3
			Ngang	3

IV. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải áo chống rét

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2
2	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	127
3	Độ lệch màu so với pantone 19-3923 TCX (cấp)		ISO 105-J01:1997 ISO 105-A02:1993	4
4	Độ nhỏ sợi tách từ vải	Dọc (Den)	TCVN 5095:1990	63,5
		Ngang (Den)		72,4
5	Thành phần nguyên liệu vải nền		ISO/TR 11827:2012	100% Polyeste
6	Mật độ sợi	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	588
		Ngang (sợi/10cm)		424
7	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754 : 1986 (phương pháp băng vải)	851
		Ngang (N)		635
8	Độ bền xé rách	Dọc (N)	ASTM D5587-15(2019)	113
		Ngang (N)		69,8
9	Độ bền mài mòn (chu kì)		TCVN 7424-2:2004	>20 000

10	Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp)		ISO 7768:2009 ISO 6330:2021	SA-4.0	
11	Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009 ISO 6330:2021	0	
		Ngang		-0,5	
12	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5	
		Dây màu	Diaxetat	4-5	
			Bông	4-5	
			Polyamit	4-5	
			Polyeste	4-5	
			Acrylic	4-5	
			Len	4-5	
13	Độ bền màu mồ hôi axit (cấp)	Thay đổi màu		4-5	
		Dây màu	Diaxetat	4	
			Bông	4-5	
			Polyamit	3	
			Polyeste	4	
			Acrylic	4-5	
			Len	4-5	
14	Độ bền màu mồ hôi kiềm (cấp)	Thay đổi màu		4-5	
		Dây màu	Diaxetat	4	
			Bông	4-5	
			Polyamit	3	
			Polyeste	4	
			Acrylic	4-5	
			Len	4-5	
15	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	TCVN 4538:2007	4-5
			Ngang		4-5
		Ướt	Dọc		4-5
			Ngang		4-5
16	Độ kháng thấm nước của vải dưới áp lực thủy tĩnh 500mmH ² O trong 10 phút		ISO 1420:2016	Đạt	
17	Tính kháng thấm nước bề mặt – Phép thử phun tia (Spray test)		TCVN 7423:2004	ISO5	

V. Tiêu chuẩn kỹ thuật vải áo phản quang

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt	TCVN 4897:1989	Vân điểm
2	Khối lượng thực tế (g/m ²)	TCVN 8042:2009	80,5
3	Độ lệch màu so với pantone 13-0535 TCX (cấp)	ISO 105-J01:1997 ISO 105-A02:1993	2

4	Độ nhỏ sợi tách từ vải	Dọc (Den)	TCVN 5095:1990	73,8
		Ngang (Den)		73,2
5	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012	100% Polyeste
6	Mật độ sợi	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	562
		Ngang (sợi/10cm)		324
7	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754: 1986 (phương pháp băng vải)	1013
		Ngang (N)		547
8	Độ bền xé rách	Dọc (N)	ASTM D5587-15(2019)	126
		Ngang (N)		48,6
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%)	Dọc	TCVN 8041:2009 ISO 6330:2021	-0,5
		Ngang		-0,5
11	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
		TCVN 7835-C10:2007		